

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày 04 tháng 7 năm 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 03/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐ-ST ngày 03/4/2025; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 17/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-DS ngày 06/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-DS ngày 04/6/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 50/2025/QĐST-DS ngày 19/6/2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Hà Thị S, sinh năm 1991, (Có mặt).

Nơi ở: Số 331, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Nay là số 331, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

- Luật sư Nguyễn Văn L – Luật sư Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh B (Nay là Đoàn luật sư tỉnh B), (Có mặt).

Địa chỉ: Số C, N, X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Nay là: Số C, đường N, phường B, tỉnh Bắc Ninh)

- Bị đơn:

+Chị Lê Thị Hoàng K, sinh năm 1984, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Nay là: Số B, đường T, phường B, tỉnh Bắc Ninh).

+Anh Hà Ngọc H, sinh năm 1972, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Lô B, khu S, 7 đô thị phía Nam, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Nay là lô 02-03, khu số 6,7 đô thị phía Nam, phường T, tỉnh Bắc Ninh)

+Anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1984, (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Phúc Hạ, xã Song Mai, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

(Nay là: Tổ dân phố Phúc Hạ, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Bùi Quang D, sinh năm 1990, (Vắng mặt).

Nơi ở: Số 331, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Nay là số 331, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Hà Thị S trình bày:*

Chị S và chị K có quan hệ quen biết. Chị S có cho chị K vay số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 22/02/2022, chị K vay số tiền 1.850.000.000 đồng. Hình thức chuyển khoản. Lãi suất 20%/ năm. Mục đích vay: Làm ăn. Thời hạn vay: Khi nào chị S có yêu cầu trả thì chị K phải trả.

- Ngày 18/3/2022, chị K vay số tiền 800.000.000 đồng. Hình thức chuyển khoản. Lãi suất 20%/ năm. Mục đích vay: Làm ăn. Thời hạn vay: Khi nào chị S có yêu cầu trả thì chị K phải trả.

Chị K đã trả được cho chị S số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 17/3/2022, chị K đã trả cho chị S số tiền 1.500.000.000 đồng. Số tiền này được trả vào tiền gốc.

- Ngày 18/3/2022, chị K đã trả cho chị S số tiền 98.640.000 đồng. Số tiền này được trả vào tiền gốc.

Ngày 10/01/2023, chị S đã tổng và chốt nợ, cũng đã yêu cầu chị Lê Thị Hoàng K phải thanh toán trả cho chị S là 883.557.000 đồng. Chị K cũng đồng ý với khoản nợ trên nhưng chị K khát lần không chịu thanh toán.

Khi chị K vẫn nợ chị Sinh T, chị K đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Lê Thị Hoàng K, ông Hà Ngọc H cho ông Nguyễn Tiến H1 để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay, chị S yêu cầu khởi kiện:

- Buộc chị Lê Thị Hoàng K phải trả cho chị Hà Thị S số tiền 883.557.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

- Tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m², (bao gồm 45,7m² đất tại phường D và 50,3m² đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB 403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H.

* *Chị Lê Thị Hoàng K là bị đơn trình bày:* Chị và chị S chỉ quen biết xã hội không có quan hệ họ hàng gì. Chị không vay tiền của chị S. Số tiền mà S chuyển qua vào tài khoản của chị là để cùng chuyển cho chị Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1980; Địa chỉ: P, chung cư S, phường N, thành phố B vay. Số tài khoản của chị K là: 19034088473011 mang tên Lê Thị Hoàng K của ngân hàng T3 chi nhánh B. Số tiền mà chị S đang khởi kiện cho rằng là chị K vay chính là số tiền mà H2 đang là người vay. Chị Kim C là người chuyển tiền từ S sang chị H2 vay. Việc thỏa thuận giữa chị S, chị K và chị H2 thì chỉ thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ gì. Trong quá trình vay tiền giữa các chị với nhau thì chị K dùng tài khoản như 19034088473011 mang tên Lê Thị Hoàng K của ngân hàng T3 chi nhánh B, chị S dùng tài khoản: 19033208256021 mang tên Hà Thị S của ngân hàng T3 chi nhánh B, chị H2 dùng tài khoản: 19035799751010 mang tên Nguyễn Thị Hồng H2 mở tại ngân hàng T3 chi nhánh B. Chị H2 trả cho S với mức lãi là 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày và khi chị H2 trả lãi cho thì chị K cũng trả lại cho S như số tiền mà chị H2 đã chuyển cho chị K. Chị K không nhận bất kỳ số tiền chênh lệch từ chị H2 và S. Chị Kim C có bảng sao kê chuyển khoản và tin nhắn giữa chị S với chị K và chị K với H2. Trong trường hợp tôi không cung cấp được các tài liệu trên thì chị K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng chị K và anh H1 vì tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng thì chị K chưa phải thi hành án đối với bất kỳ 1 bản án nào có hiệu lực pháp luật và chị K cũng không vay nợ gì Sinh. Sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H1 thì vợ chồng chị K đã thỏa thuận phân chia tài sản thì chị Kim C được nhận chưa đầy 1 tỷ vì chị K còn phải đi trả nợ cho các khoản nợ khác khi xây nhà và chị K có nhận được tài sản là chiếc xe ô tô và bộ bàn ghế gỗ hương nên chị Kim C còn nhận được số tiền chưa đầy 1 tỷ đồng.

* *Anh Hà Ngọc H là bị đơn trình bày:* Anh H là chồng đã ly hôn của chị Lê Thị Hoàng K. Anh chị ly hôn vào khoảng tháng 6/2022. Anh H không quen biết gì chị Hà Thị S. Việc vay tiền giữa chị S và chị K thì anh H không nắm được và anh H cũng không vay chị S. Anh H không đồng ý với quan điểm khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh H, chị K và anh H1. Chị S cho rằng chị K tâu tán tài sản là không đúng. Vì khi anh chị chuyển nhượng thửa đất trên thì anh chị đã sử dụng toàn bộ số tiền bán đất đó để trả tiền cho số tiền mà anh chị nợ ngân hàng V chi nhánh B. Còn số tiền bán đất được bao nhiêu thì anh H không nhớ vì thời gian đã lâu rồi.

** Anh Nguyễn Tiến H1 là bị đơn trình bày:* Anh H1 không quen biết gì chị S, anh có nhận chuyển nhượng 01 thửa đất của vợ chồng anh H, chị K cụ thể là: Lô 02 -03, khu S Đô thị phía Nam, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh có nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên vào khoảng giữa năm 2024, do thời gian chuyển nhượng đã lâu nên anh chỉ nhớ anh nhận chuyển nhượng với giá khoảng hơn 6 tỷ. Anh trả tiền cho vợ chồng anh H, chị K cả bằng tiền mặt và tiền tài khoản còn cụ thể như thế nào anh không nhớ rõ. Ký hợp đồng chuyển nhượng tại văn phòng công chứng Phạm Mạnh C1. Sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng nêu trên thì anh có làm thủ tục đính chính trang 4 vào ngày 08/4/2024. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên, anh cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Anh không đồng ý với quan điểm khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh, chị K và anh H. Việc vay mượn tài sản giữa chị S và chị K như thế nào thì anh không nắm được. Anh không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng. Tuy nhiên, anh sẽ căn cứ vào kết luận của Tòa để anh có phương án đảm bảo quyền lợi của mình.

** Anh Bùi Quang D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Anh là chồng của chị Hà Thị S. Anh xác định số tiền vay giữa chị S và chị K là tài sản cá nhân của chị S. Anh không biết việc vay tiền giữa chị S và chị K.

Tại phiên tòa:

- *Chị Hà Thị S trình bày:* Chị yêu cầu chị Lê Thị Hoàng K phải trả chị số tiền gốc đã vay là 883.557.000 đồng và lãi suất tính từ thời điểm ngày 11/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 04/7/2025 với mức lãi suất là 10%/năm. Chị rút yêu cầu khởi kiện tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m2,(bao gồm 45,7m2 đất tại phường D và 50,3m2 đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB 403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Chị xác định số tiền chị đã chuyển vào tài khoản của chị K là số tiền chị cho chị K vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng với quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị S.

Buộc chị Lê Thị Hoàng K phải trả cho chị Hà Thị S số tiền 1.102.184.344 đồng. Trong đó : 883.557.000 đồng tiền gốc và 218.627.344 đồng tiền lãi.

- Đình chỉ yêu cầu Tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m², (bao gồm 45,7m² đất tại phường D và 50,3m² đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB 403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H.

Chị Hà Thị S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu trên.

Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh còn đề nghị về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện của chị Hà Thị S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh):

- Buộc chị Lê Thị Hoàng K phải trả cho chị Hà Thị S số tiền 883.557.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

- Tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m², (bao gồm 45,7m² đất tại phường D và 50,3m² đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB 403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H.

Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Hà Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung: Tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m², (bao gồm 45,7m² đất tại phường D và 50,3m² đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB 403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H. Nên xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với yêu cầu: Buộc chị Lê Thị Hoàng K phải trả cho chị Hà Thị S số tiền 883.557.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

[2.1.1]. Về số tiền gốc:

- Ngày 22/02/2022, chị S chuyển khoản cho chị K số tiền 1.850.000.000 đồng.

- Ngày 18/3/2022, chị S chuyển khoản cho chị K số tiền 800.000.000 đồng.

- Ngày 17/3/2022, chị K đã chuyển cho chị S số tiền 1.500.000.000 đồng.
- Ngày 18/3/2022, chị K đã trả chuyển cho chị S số tiền 98.640.000 đồng.

Chị sinh cho rằng việc chuyển khoản giữa chị S và chị K là chị K vay tiền của chị S, còn chị K cho rằng việc chuyển khoản giữa chị S và chị K là dùng số tiền đó để cho chị H2 vay tiền.

Hội đồng xét xử thấy: Chị K cho rằng chị và chị S cùng cho chị H2 vay tiền nhưng chị K không cung cấp được các tài liệu chứng minh về việc thỏa thuận giữa chị S, chị K và chị H2 là việc chuyển tiền giữa chị S và chị K là để cho chị H2 vay tiền. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh đã tiến hành xác minh đối với chị H2 theo như địa chỉ của chị K cung cấp nhưng không tiến hành xác minh được nên cần xác định việc chuyển khoản giữa chị S và chị K là việc vay tài sản giữa chị S và chị K. Đối với khoản tiền chị S chuyển tiền cho chị K trong 02 ngày 22/02/2022 và ngày 18/3/2022 là tổng số tiền 2.650.000.000 đồng (Có sao kê tài khoản) và số tiền chị K chuyển cho chị S vào 02 ngày 17/3/2022 (có sao kê tài khoản), ngày 18/3/2022 (không có sao kê tài khoản) tổng số tiền là 1.598.640.000 đồng. Tuy nhiên, chị S chỉ khởi kiện chị K phải trả chị số tiền là 883.557.000 đồng là phù hợp và cần được chấp nhận.

[2.1.2]. Về yêu cầu tính lãi: Chị S yêu cầu chị K phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ vay tài sản giữa chị S và chị K không được lập thành văn bản. Không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc thỏa thuận về lãi suất giữa chị S và chị K. Nên cần xác định việc vay tiền giữa chị S và chị K là Hợp đồng vay tài sản không có lãi. Đến ngày 10/01/2023 chị S có thông báo cho chị K về số tiền vay, chị K thừa nhận là chị S có thông báo cho chị biết. Nên chị K phải chịu tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng, 0,027%/ngày). Do đó, yêu cầu của chị S yêu cầu chị K phải trả lãi từ ngày 11/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/5/2025) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Số tiền lãi được tính như sau: Thời gian từ ngày 11/01/2023 đến ngày 04/7/2025 là 02 năm 05 tháng 22 ngày. Cụ thể như sau:

$(02 \text{ năm} \times 883.557.000 \text{ đồng} \times 10\%) + (05 \text{ tháng} \times 883.557.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) + (22 \text{ ngày} \times 883.557.000 \text{ đồng} \times 0,027\%) = 218.627.344 \text{ đồng}.$

[2.2]. Đối với yêu cầu: Tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m², (bao gồm 45,7m² đất tại phường D và 50,3m² đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB 403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H. Tại phiên tòa: Chị Hà Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung: Tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 6

24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m², (bao gồm 45,7m² đất tại phường D và 50,3m² đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB 403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị S là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung nêu trên.

[3] Về án phí:

- Đối với yêu cầu buộc chị Lê Thị Hoàng K phải trả chị số tiền (883.557.000 đồng + 218.627.344 đồng) = 1.102.184.344 đồng được chấp nhận nên chị Lê Thị Hoàng K phải chịu 45.065.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 180; Khoản 2 Điều 244; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị S.

1.1. Buộc chị Lê Thị Hoàng K phải trả cho chị Hà Thị S số tiền 1.102.184.344 đồng. Trong đó : 883.557.000 đồng tiền tiền gốc và 218.627.344 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ yêu cầu T1 huỷ hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/01/2024 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 96m², (bao gồm 45,7m² đất tại phường D và 50,3m² đất tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) theo GCN QSDĐ số DB

403804 do Sở T2 cấp ngày 27/5/2021 mang tên Hà Ngọc H.

Chị Hà Thị S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu trên.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị Hoàng K phải chịu 45.065.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả chị Hà Thị S số tiền 22.200.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002030 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh)

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Đình Hưng